|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN PHÚC THỌ | **ĐỀ THI KHẢO SÁT GIỮA HỌC KỲ I**  MÔN NGỮ VĂN LỚP 9  *Thời gian làm bài : 120 phút* |

**I. PHẦN ĐỌC – HIỂU (4 ĐIỂM)**

**Đọc đoạn thơ sau:**

**CHỊ EM THUÝ KIỀU**

**(Trích “Truyện Kiều”)**

|  |  |
| --- | --- |
| *Đầu lòng hai ả tố nga (1),*  *ThúyKiều là chị em là Thúy Vân.*  *Mai cốt cách tuyết tinh thần, (2)*  *Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.*  *Vân xem trang trọng khác vời,*  *Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang (3)*  *Hoa cười ngọc thốt đoan trang(4),*  *Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.*  *Kiều càng sắc sảo mặn mà,*  *So bề tài sắc lại là phần hơn :*  *Làn thu thủy nét xuân sơn (5)*  *Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.* | *Một hai nghiêng nước nghiêng thành(6)*  *Sắc đành đòi một tài đành họạ hai (7)*  *Thông minh vốn sẵn tính trời,*  *Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm.*  *Cung thương làu bậc ngũ âm (8),*  *Nghề riêng ăn đứt hồ cầm(9) một trương (10)*  *Khúc nhà tay lựa nên chương (11)*  *Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân (12)*  *Phong lưu rất mực hồng quần (13),*  *Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê.*  *Êm đềm trướng rủ màn che,*  *Tường đông ong bướm(14) đi về mặc ai.* |

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*, trong *Đào Duy Anh, Từ điển Truyện Kiều*)

**Chú thích**

\* **Vị trí đoạn trích** : Đoạn trích nằm ở phần mở đầu tác phẩm, giới thiệu gia cảnh của Kiều. Khi giới thiệu những người trong gia đình Kiều, tác giả tập trung tả tài sắc Thúy Vân và Thúy Kiều.

(1) *Tố nga* : chỉ người con gái đẹp.

(2) *Mai cốt cách* : cốt cách của cây mai mảnh dẻ, thanh tao. *Tuyết tinh thần*: tinh thần của tuyết trắng và trong sạch. Câu này ý nói cả hai chị em đều duyên dáng, thanh cao, trong trắng.

(3) *Khuôn trăng đầy đặn* : gương mặt đầy đặn như mặt trăng tròn; *nét ngài nở nang* (*nét ngài*: nét lông mày) : ý nói lông mày hơi đậm, cốt tả đôi mắt đẹp. Cả câu thơ nhằm gợi tả vẻ đẹp phúc hậu của Thúy Vân. Thành ngữ Việt có câu "*mắt phượng mày ngài*".

(4) *Đoan trang*: nghiêm trang, đứng đắn (chỉ nói về người phụ nữ).

(5) *Làn thu thủy*: làn nước mùa thu; nét xuân sơn: nét núi mùa xuân. Cả câu thơ ý nói mắt đẹp, trong sáng như nước mùa thu, lông mày đẹp, thanh thoát như nét núi mùa xuân.

(6) *Nghiêng nước nghiêng thành*: lấy ý ở một câu chữ Hán, có nghĩa là : ngoảnh lại nhìn một cái thì thành người ta bị xiêu, ngoảnh lại nhìn cái nữa thì nước người ta bị nghiêng ngả. Ý nói sắc đẹp tuyệt vời của người phụ nữ có thể làm cho người ta say mê đến nỗi mất thành, mất nước.

(7) Ý cả câu: về sắc thì chỉ có một mình Kiều là nhất, về tài thì may ra có người thứ hai.

(8) *Làu bậc*: thuộc lòng các cung bậc. *Ngũ âm*: năm nốt trong âm giai của nhạc cổ (cung, thương, dốc, chuỷ, vũ).

(9) *Hồ cầm*: đàn của người Hồ, một thứ đàn giống đàn nhị của Việt Nam, người Trung Quốc thấy xuất hiện ở phương Bắc nên gọi là đàn của người Hồ. Ở ta thường hiểu hồ cầm là đàn tì bà.

(10) *Một trương*: một cây. Sách có câu: "*Cầm nhất trương, kì nhất cục*" (Đàn một cây, cờ một cuộc).

(11) *Nên chương*: thành bài.

(12) *Một thiên Bạc mệnh*: một bản nhạc có tên là Bạc mệnh (bạc mệnh: phận mỏng, ý nói xấu số); *não nhân* : làm cho lòng người sầu não, đau khổ.

(13) *Hồng quần* : quần đỏ, chỉ phụ nữ (ngày xưa phụ nữ nhà quyền quý ở Trung Quốc thường mặc quần đỏ).

(14) *Ong bướm* : chỉ tình yêu nhưng có phần không đứng đắn.

**Trả lời các câu hỏi:**

***Câu 1 (0.5 điểm).*** Người kể chuyện trong đoạn thơ trên thuộc ngôi thứ mấy ?

***Câu 2 (0.5 điểm).*** Trong đoạn thơ, tác giả đã sử dụng bút pháp ước lệ, lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp của con người, hãy liệt kê những hình ảnh thiên nhiên có trong đoạn thơ.

***Câu 3 (1.0 điểm).*** Hãy chỉ ra luật bằng trắc và cách gieo vần của bốn câu thơ sau :

*Đầu lòng hai ả tố nga,*

*Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân.*

*Mai cốt cách tuyết tinh thần,*

*Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.*

***Câu 4 (1.0 điểm).*** Bên cạnh vẻ đẹp về hình thức, tác giả còn nhấn mạnh những vẻ đẹp nào ở Thúy Kiều ? Những vẻ đẹp ấy cho thấy Thúy Kiều là người như thế nào ?

***Câu 5 (1.0 điểm).*** Từ sự hiểu biết về “*Truyện Kiều*” và nhân vật Thúy Kiều, kết hợp với nội dung đoạn trích, em hãy nêu suy nghĩ về thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến ?

**II. PHẦN VIẾT (6 ĐIỂM)**

***Câu 1 (2 điểm).*** Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 từ) phân tích đoạn thơ sau:

*Kiều càng sắc sảo mặn mà,*

*So bề tài sắc lại là phần hơn:*

*Làn thu thủy nét xuân sơn*

*Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.*

*Một hai nghiêng nước nghiêng thành*

*Sắc đành đòi một tài đành họa hai*

*Thông minh vốn sẵn tính trời,*

*Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm.*

***Câu 2 (4 điểm).*** Viết bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mỗi quan hệ với tự nhiên): con người với tài nguyên đất.

**Hết**

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu hỏi** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **Phần Đọc – hiểu** | | **4,0** |
|  | ***Câu 1 (0.5 điểm).*** Người kể chuyện trong đoạn thơ trên thuộc ngôi thứ mấy ? | - Người kể chuyện trong đoạn thơ trên thuộc ngôi thứ ba. | 0.5 |
| ***Câu 2.*** Liệt kê những hình ảnh thiên nhiên có trong đoạn thơ. | Những hình ảnh thiên nhiên có trong đoạn thơ là:  - khuôn trăng, ngài, hoa, mây, tuyết, thu thủy, xuân sơn, liễu. | 0.5 |
| ***Câu 3.*** Chỉ ra luật bằng trắc và cách gieo vần của bốn câu thơ. | *Đầu lòng hai ả tố nga,*  B T B  *Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân.*  B T B  *Mai cốt cách tuyết tinh thần,*  T T B  *Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.*  B T B  (Hoặc hs có thể trình bày như sau : Thanh bằng ở các tiếng thứ 2,4,6,8; thanh trắc ở tiếng thứ 4; riêng câu thứ 3 thì tiếng thứ 2 lại mang thanh trắc kéo theo cách ngắt nhịp cũng thay đổi so với quy luật, đó là ngắt nhịp 3/3))  - Gieo vần : nga – là; Vân – thần; thần – phân. | 1.0 |
| ***Câu 4.*** Bên cạnh vẻ đẹp về hình thức, tác giả còn nhấn mạnh những vẻ đẹp nào ở Thúy Kiều? Những vẻ đẹp ấy cho thấy Thúy Kiều là người như thế nào? | - Bên cạnh vẻ đẹp về hình thức, tác giả còn nhấn mạnh những vẻ đẹp khác ở Thúy Kiều, đó là: thông minh, có tài làm thơ, đánh đàn, vẽ tranh; là người sống mực thước, con nhà gia giáo.  - Những vẻ đẹp ấy cho thấy Thúy Kiều là người tài sắc vẹn toàn, đẹp từ hình thức bên ngoài đến phẩm chất bên trong. | 0.5  0.5 |
| ***Câu 5.*** Từ sự hiểu biết về “*Truyện Kiều*” và nhân vật Thúy Kiều, kết hợp với nội dung đoạn trích, em hãy nêu suy nghĩ về thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến? | - Dưới chế độ phong kiến trọng nam khinh nữ, người phụ nữ dù có nhan sắc tuyệt trần, có tài năng, đức độ nhưng vẫn không có vị trí trong xã hội, gia đình. Thân phận của họ bị phụ thuộc vào tam tòng, bị ràng buộc bởi tứ đức, bị xã hội coi thường.  - Số phận của họ thật đáng thương.  - ... | 1.0 |
| **II** | **Phần viết** | | **6,0** |
| ***Câu 1.*** Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 từ) phân tích đoạn thơ. | a.Yêu cầu về hình thức: 1 đoạn văn hỗn hợp có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn; khoảng 200 từ.  b. Yêu cầu về nội dung viết, đảm bảo các ý cơ bản sau:  - Chủ đề đoạn thơ : Gợi tả vẻ đẹp nhan sắc và tài năng của Thúy Kiều.  - Nội dung :  + Tác giả đã nhấn mạnh vẻ đẹp và tài năng vượt trội của Thúy Kiều ở ngay 2 câu thơ đầu.  + Hình ảnh nhân hóa “hoa ghen” và “liễu hờn” thể hiện thái độ đố kị, ghen ghét của thiên nhiên trước vẻ đẹp của Kiều.  + Vẻ đẹp của Kiều còn khiến cho nước phải nghiêng, thành phải đổ. Một sự ngưỡng mộ, mê say đến điên đảo trước vẻ đẹp của Kiều.  + Vẻ đẹp, chân dung của Thúy Kiều cũng dự báo về tính cách và số phận sóng gió của nàng.  +Nàng là người con gái đa tài, đủ cả cầm (đàn), thi (thơ), họa (vẽ) và tài nào cũng đạt đến độ xuất chúng. Đặc biệt, tài đàn là năng khiếu, là sở trường của nàng.  + Miêu tả tài đàn, Nguyễn Du gợi lên một thế giới tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, đa sầu, đa cảm của Thúy Kiều.  + Nghệ thuật: thể thơ lục bát, nghệ thuật ước lệ tượng trưng, điển tích điển cố, nhân hóa, ẩn dụ.  => Qua mười hai câu thơ, chúng ta thấy được vẻ đẹp hội tụ sắc-tài-tình, tất cả đều đến mức lí tưởng, xuất chúng của Thúy Kiều. Đồng thời, cho thấy sự tài hoa của Nguyễn Du trong nghệ thuật miêu tả nhân vật. | **2,0** |
| Viết bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mỗi quan hệ với tự nhiên):con người với tài nguyên đất. | Yêu cầu hình thức:  - Bài văn nghị luận xã hội bàn về một vấn đề cần giải quyết: con người với tài nguyên đất. | **4,0**  0,25  0,25  3.0  0,25  0,25 |
| Yêu cầu về nội dung: Diễn đạt đủ cơ bản các ý chính. |
| Học sinh trình bày các nội dung sau:  **1.Mở bài :** Giới thiệu vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa con người với đất, nêu sự cần thiết của việc bàn luận về vấn đề.  **2.Thân bài :** Triển khai các luận điểm thể hiện quan điểm của người viết xét trên từng khía cạnh của vấn đề.  + Luận điểm 1: Bản chất của vấn đề nghị luận; quan hệ giữa con người với tài nguyên đất (nêu lí lẽ và dẫn chứng).  + Luận điểm 2: Mặt tích cực của mối quan hệ giữa con người với tài nguyên đất và lợi ích có thể thu được (nêu lí lẽ và dẫn chứng).  + Luận điểm 3: Mặt tiêu cực của mối quan hệ giữa con người với với tài nguyên đất và hậu quả có thể gánh chịu (nêu lí lẽ và dẫn chứng).  +...   * Nêu ý kiến trái chiều và phản bác.   - Đề xuất giải pháp có tính khả thi để giải quyết vấn đề.  **3. Kết bài :** Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng và giải quyết hiệu quả vấn đề nêu ra.  **Lưu ý:** Học sinh có thể đưa ra giải pháp riêng nhưng phải khả thi và thuyết phục |
| d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. |
| e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (trong cách viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh), văn viết giàu cảm xúc, có dấu ấn cá nhân (chất giọng riêng phù hợp với tình cảm của người viết). |